

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ IV.2012

- Mẫu số B01-CTCK : Bảng cân đối kế toán
- Mẫu số B02-CTCK : Kết quả hoạt động kinh doanh
- Mẫu số B04-CTCK : Lưu chuyển tiền tệ
- Mẫu số B09- CTCK: Thuyết minh báo cáo tài chính



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1,574,302,146,848	1,436,799,900,253
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	974,317,834,558	630,953,770,665
1. Tiền	111		644,317,834,558	357,953,770,665
2. Các khoản tương đương tiền	112		330,000,000,000	273,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		370,275,061,769	335,103,322,791
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	568,807,961,512	570,045,345,753
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(198,532,899,743)	(234,942,022,962)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		227,451,928,667	467,946,017,939
1. Phải thu của khách hàng	131			-
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1,426,097,530	1,917,618,825
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	V.5	354,931,093,087	584,184,603,060
5. Các khoản phải thu khác	138	V.6	2,818,189,901	7,536,702,013
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(131,723,451,851)	(125,692,905,959)
IV. Hàng tồn kho	140		109,404,200	-
1. Hàng tồn kho	141		109,404,200	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,147,917,654	2,796,788,858
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,297,726,774	1,784,786,607
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	850,190,880	1,012,002,251

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Mẫu số B01-CTCK

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNHBan hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC
ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)		200		57,816,690,285	51,213,294,484
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác		218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		48,941,292,461	43,368,499,083
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.10	13,027,995,320	9,420,220,740
<i>Nguyên giá</i>		222		43,188,893,623	34,483,712,041
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		223		(30,160,898,303)	(25,063,491,301)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		-	-
<i>Nguyên giá</i>		225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình		227	V.10	24,915,404,872	25,583,810,372
<i>Nguyên giá</i>		228		39,889,519,151	35,969,683,151
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		229		(14,974,114,279)	(10,385,872,779)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230	V.11	10,997,892,269	8,364,467,971
III. Bất động sản đầu tư		240		-	-
<i>Nguyên giá</i>		241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>		242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con		251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		-	-
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		253		-	-
<i>- Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>		254		-	-
<i>- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>		255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác		260		8,875,397,824	7,844,795,401
1. Chi phí trả trước dài hạn		261	V.12	355,540,808	1,422,164,572
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		262		-	-
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		263	V.13	8,444,857,016	6,422,630,829
4. Tài sản dài hạn khác		268		75,000,000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		1,632,118,837,133	1,488,013,194,737

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B01-CTCK

Ban hành theo thông tư số 95/2008/TT-BTC
 ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		300		528,531,586,540	449,421,004,251
I. Nợ ngắn hạn		310		528,531,586,540	449,421,004,251
1. Vay và nợ ngắn hạn		311	V.14	-	-
2. Phải trả người bán		312	V.15	598,763,543	1,508,632,555
3. Người mua trả tiền trước		313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		314	V.16	739,388,443	373,531,810
5. Phải trả người lao động		315		(2,010,541,687)	-
6. Chi phí phải trả		316	V.17	1,289,573,354	11,100,386,195
7. Phải trả nội bộ		317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		319		33,777,766,770	108,984,633,563
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		320	V.18	492,823,168,417	327,152,878,628
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		321	V.19	108,657,700	188,181,500
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		322	V.20	1,204,810,000	112,760,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		323		-	-
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		328		-	-
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
II. Nợ dài hạn		330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán		331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ		332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác		333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn		334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn		337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		359		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)		400		1,103,587,250,593	1,038,592,190,486
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.22	1,103,587,250,593	1,038,592,190,486
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		411		999,990,000,000	999,990,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		95,000,000,000	95,000,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ		414		(3,310,000)	(3,310,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		418		18,777,920,329	32,656,202,831
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		420		(10,177,359,736)	(89,050,702,345)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		1,632,118,837,133	1,488,013,194,737

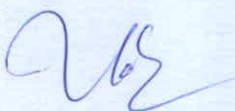
Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	IVIA số	Số cuối Quý	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	19,165,768,237	5,287,485,735
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	288,356,822,000	2,864,493,620,000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	283,896,234,000	2,760,053,520,000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	17,026,816,000	143,718,760,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của thành viên trong nước	009	262,332,989,000	2,585,716,210,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	4,536,429,000	30,618,550,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	3,346,188,000	94,353,100,000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	331,000	50,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	3,345,305,000	94,289,000,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	552,000	14,100,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016	-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	1,114,400,000	10,087,000,000
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	1,000,000,000	10,000,000,000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	114,400,000	87,000,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	242,449,960,000	226,668,470,700
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	63,021,380,000	61,928,630,000

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh



Lập ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

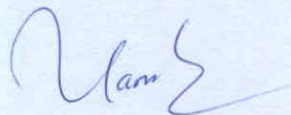
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		43,073,228,150	61,342,521,306	240,877,023,232	277,116,851,623
Trong đó:						
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		11,145,808,712	12,691,229,206	61,981,014,138	45,620,891,453
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1,754,643,068	1,699,266,683	14,934,040,107	4,442,046,679
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3				-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4				-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		187,090,909	140,194,250	542,545,454	800,244,755
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		416,827,956		789,073,772	181,590,573
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7				-	19,196,338
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8				-	-
Doanh thu khác	01.9		29,568,857,505	46,811,831,167	162,630,349,761	226,052,881,825
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10-01-02)	10		43,073,228,150	61,342,521,306	240,877,023,232	277,116,851,623
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.1	17,308,413,010	123,139,647,626	96,747,238,333	402,124,314,106
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20-10-11)	20		25,764,815,140	(61,797,126,320)	144,129,784,899	(125,007,462,483)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.2	17,093,153,826	17,300,661,563	65,789,407,448	71,611,383,789
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30-20-25)	30		8,671,661,314	(79,097,787,883)	78,340,377,451	(196,618,846,272)
8. Thu nhập khác	31	VI.3	174,913,303	78,688	600,289,076	72,791,551
9. Chi phí khác	32	VI.4	66,596,256	19,669,927	67,323,918	9,306,552,233
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		108,317,047	(19,591,239)	532,965,158	(9,233,760,682)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,779,978,361	(79,117,379,122)	78,873,342,609	(205,852,606,954)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	(6,842,800,073)	-	(4,065,149,629)
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8,779,978,361	(72,274,579,049)	78,873,342,609	(201,787,457,325)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	88	(723)	789	(2,018)

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh



Lập ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Hoàng Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		78,873,342,609	(207,743,219,631)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		9,845,331,516	8,454,549,837
- Các khoản dự phòng	03		(30,378,577,327)	251,804,945,064
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06		25,807,746,480	69,948,479,935
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84,147,843,278	122,464,755,205
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		219,533,061,339	697,114,203,252
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(109,404,200)	4,894,041
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		75,601,258,115	(1,085,158,993,306)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,553,683,597)	(2,468,858,441)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(36,176,704,809)	(67,476,986,268)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(25,494,577,197)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		341,442,370,126	(361,015,562,713)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15,258,441,880)	(17,044,017,010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1,514,485,001
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17,180,135,646	14,028,116,323
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,921,693,766	(1,501,415,686)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B03 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo TT162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài Chính

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(150,650,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(150,650,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong Quý	50		343,364,063,893	(513,166,978,399)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	630,953,770,665	1,144,120,749,064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối Quý	70	V.1	974,317,834,558	630,953,770,665

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

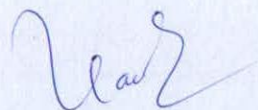
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý IV.2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	999,990,000,000	999,990,000,000	-				999,990,000,000	999,990,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn								
Tăng vốn bằng tiền								
2. Thặng dư vốn cổ phần	95,000,000,000	95,000,000,000	-	-	-	-	95,000,000,000	95,000,000,000
Tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ								
Tăng vốn bằng tiền								
4. Cổ phiếu quỹ (*)	(3,310,000)	(3,310,000)	-				(3,310,000)	(3,310,000)
Mua lại cổ phiếu không phát hành hết								
8. Quỹ dự phòng tài chính	32,656,202,831	32,656,202,831	0			13,878,282,502	32,656,202,831	18,777,920,329
Trích lập quỹ trong năm						13,878,282,502		
10. Lợi nhuận chưa phân phối	113,907,425,481	(89,050,702,345)	0	202,958,127,826	78,873,342,609	0	(89,050,702,345)	(10,177,359,736)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu để tăng vốn				0				
Phân phối quỹ				0				
Lợi nhuận trong năm				202,958,127,826	78,873,342,609			
Cộng	620,775,159,156	1,038,592,190,486	-	202,958,127,826	78,873,342,609	13,878,282,502	1,038,592,190,486	1,103,587,250,593

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Ninh

Lập ngày 18 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV Năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Kinh doanh Chứng khoán
3. **Hoạt động chính trong năm** : Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

4. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 257 nhân viên đang làm việc tại Công ty

NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc đánh giá tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 – 05
Dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm quản lý	03 – 10

4. Đầu tư tài chính

Thông tư số 95/2008/TT-BTC cho phép các Công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc và giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Giá vốn chứng khoán bán ra được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tức thời.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên thì không trích lập dự phòng.

Đầu tư tài chính khác

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

5. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán được ghi nhận là doanh thu hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

6. Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ

Là giao dịch Công ty cho khách hàng mua chứng khoán thấu chi khi tài khoản khách hàng không đủ tiền. Chứng khoán đã mua được sử dụng để thế chấp cho phần thấu chi.

7. Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

8. Chi phí phải trả

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

9. Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập và sử dụng theo quy định và Điều lệ Công ty.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán (khi nhận được Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

12. Tài sản tài chính***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	644.317.834.438	357.953.770.665
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	484.436.618.541	284.926.947.633
Các khoản tương đương tiền	330.000.000.000	273.000.000.000
Cộng	974.317.834.558	630.953.770.665

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Đầu tư ngắn hạn***Tình hình nắm giữ chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn như sau:*

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	511.843.280.180	509.527.149.422
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>225.951.191.190</i>	<i>300.476.372.061</i>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>285.892.088.990</i>	<i>209.050.777.361</i>
Đầu tư trái phiếu ngắn hạn	14.180.000.000	12.176.000.000
<i>Trái phiếu Công ty</i>	<i>14.180.000.000</i>	<i>12.176.000.000</i>
Đầu tư ngắn hạn khác	42.784.681.332	48.342.196.331
<i>Cho Công ty CP Địa ốc Minh Ngân vay</i>	<i>42.784.681.332</i>	<i>42.784.681.332</i>
<i>Hợp tác đầu tư</i>	<i>0</i>	<i>5.557.514.999</i>
Cộng	<u>568.807.961.512</u>	<u>570.045.345.753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Tình hình đầu tư chứng khoán như sau:*

Chỉ tiêu	Giá trị theo sổ kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Cuối Quý	Đầu năm	Cuối Quý	Đầu năm	Cuối Quý	Đầu năm
+ Cổ phiếu	511.576.407.333	509.527.149.422	195.762.989.897	234.943.380.162	317.049.974.000	274.583.769.260
Ngân hàng TMCP An Bình	157.388.867.266	111.956.420.466	38.889.855.466	31.747.521.866	118.499.011.800	80.208.898.600
Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	265.005	21.541.859.251	-	8.959.254.251	315.000	12.582.605.000
Công ty cổ phần Sơn Hải Phòng	-	2.958.425.424	-	1.030.131.024	-	1.928.294.400
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Hoàng Thành	110.871.856.029	97.062.900.000	25.227.748.029	-	85.644.108.000	97.062.900.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	346.368.370	3.194.839.231	-	1.492.392.031	432.625.000	1.702.447.200
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị Sông Đà	100.928.420.000	100.928.420.000	92.166.310.000	91.962.540.000	8.762.110.000	8.965.880.000
Công ty cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	55.371.184.625	55.370.984.925	37.198.230.225	29.051.718.525	18.172.954.400	26.319.266.400
Công ty cổ phần Xây dựng số 3	-	97.691.041.542	-	66.789.784.942	-	30.901.256.600
Công ty cổ phần Ánh Dương Việt Nam	-	17.600.033.387	-	3.341.549.387	-	14.258.484.000
CTCP Thuỷ Điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh	5.710.351.665		-		5.765.651.600	
CTCP Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT	5.241.800.938		403.877.738		4.837.923.200	
Tổng CTCP bảo hiểm Bưu điện	57.807.295.802		1.788.171.602		56.019.124.200	
NH TMCP ký thương Techcombank	17.600.000.000		-		17.600.000.000	
Các mã chứng khoán khác	576.870.484	1.222.225.196	187.026.684	568.488.136	1.492.603.828	653.737.060
+ Trái phiếu Công ty	14.180.000.000	12.176.000.000		-	20.000.000.000	12.176.000.000
Trái phiếu BIDV	14.180.000.000	12.176.000.000			20.000.000.000	12.176.000.000
Tổng cộng	526.023.280.183	521.703.149.422	195.861.219.743	234.943.380.162	337.226.427.028	286.759.769.260

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

Cổ phiếu	Đã niêm yết	Chưa niêm yết	Cộng
Giá trị theo sổ kế toán	225.951.191.192	285.892.088.990	511.843.280.182
Giá trị theo thị trường	95.456.547.228	221.769.879.800	317.226.427.028
Số phải trích lập dự phòng tại 31/12/2012	134.410.690.553	64.122.209.190	198.532.899.743
Số đã trích tại 30/09/2012	117.900.658.598	69.313.169.190	187.213.827.789
Số trích lập năm nay	16.510.031.955	(5.190.960.000)	11.319.071.955

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Quang Minh và Cộng Sự	206.079.348	
Công ty TNHH tư vấn quản lý C&A	550.000.000	550.000.000
Công ty CP Truyền thông số VDATA	150.352.000	-
Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT	192.432.000	192.432.000
CN Cty TNHHKT Phương Đông ICA	10.000.000	10.000.000
Các đối tượng khác	317.234.182	1.165.186.825
Cộng	1.426.097.530	1.917.618.825

5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	63.588.554.925	7.840.227.476
Phải thu về bảo lãnh thanh toán tiền mua chứng khoán của người đầu tư (*)	278.480.315.857	492.091.459.458
Phải thu hoạt động tự doanh chứng khoán	9.773.340.888	83.797.716.126
Phải thu lãi các ngân hàng	3.088.881.417	-
Phải thu các hợp đồng mua bán lại chứng khoán	0	455.200.000
Cộng	354.931.093.087	584.184.603.060

(*) Công ty có quy định về thẩm quyền quyết định cho giao dịch ký quỹ, danh mục các chứng khoán được sử dụng để ký quỹ và tỷ lệ biên tương ứng. Các quy trình, thủ tục cho phép thực hiện giao dịch ký quỹ, việc quản lý giám sát đều được thực hiện trên hệ thống phần mềm.

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu về cho cán bộ nhân viên vay vốn	1.887.800.000	1.887.800.000
Lãi cho cán bộ nhân viên vay vốn	75.975.333	75.975.333
Phải thu tiền ủy thác quản lý vốn	-	-
Phải thu về dự án IPA	-	287.578.273
Phải thu khác	854.414.568	5.285.348.407
Cộng	2.818.189.901	7.536.702.013

7. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Là dự phòng cho các khoản nợ khó có khả năng thu hồi. Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Quý này	Năm trước
Số đầu năm	125.692.905.959	14.814.102.783
Trích lập dự phòng bổ sung	16.984.784.437	123.941.047.030
Hoàn nhập dự phòng	10.954.238.545	13.062.243.854
Số cuối quý	131.723.451.851	125.692.905.959

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	448.872.709	507.279.950
Chi phí sửa chữa văn phòng	848.854.065	1.277.506.657
Cộng	1.297.726.774	1.784.786.607

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	266.989.414	147.010.821
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	583.201.466	864.991.430
Cộng	850.190.880	1.012.002.251

10. Tài sản cố định

	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình
Nguyên giá				
Số đầu năm	10.562.794.997	23.920.917.044	34.483.712.041	35.969.683.151
Mua sắm mới		8.969.858.582	8.969.858.582	3.919.836.000
Giảm trong năm		264.677.000	264.677.000	
Số cuối quý	10.562.794.997	32.626.098.626	43.188.893.623	39.889.519.151
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	4.764.784.985	20.298.706.316	25.063.491.301	10.385.872.779
Khấu hao trong năm	2.920.654.659	2.336.435.357	5.257.090.016	4.588.241.500
Khấu hao giảm		159.683.014	159.683.014	
Số cuối quý	7.685.439.644	22.475.458.659	30.160.898.303	14.974.114.279
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.798.010.012	3.622.210.728	9.420.220.740	25.583.810.372
Số cuối quý	2.877.355.353	10.150.639.967	13.027.995.320	24.915.404.872

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ trong kỳ	Số cuối quý
Phần mềm cho mạng xã hội "Vndirect community"	200.255.150	0	200.255.150	0
Phần mềm đặt lệnh	6.595.385.443		0	6.595.385.443
Lắp đặt hệ thống chuyển mạch trung tâm (Core Switch)	1.506.154.566		1.506.154.566	0
Phần mềm cho sàn giao dịch chứng khoán ảo Vndirect	62.672.812	0	62.672.812	0
Xây dựng trụ sở tại chi nhánh HCM		4.402.506.826		4.402.506.826
Số cuối năm	8.364.467.971	4.402.506.826	1.769.082.528	10.997.892.269

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí CCDC, đồ dùng văn phòng	355.540.808	737.294.851
Chi phí sửa chữa tài sản		684.869.721
Cộng	355.540.808	1.422.164.572

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	-	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	2.022.226.187	6.302.630.829
Số cuối quý	8.444.857.016	6.422.630.829

14. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	568.763.543	999.225.422
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	-	455.980.516
Các đối tượng khác	30.000.000	53.426.617
Cộng	598.763.543	1.508.632.555

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra	12.663.255	506.592
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	439.257.642	131.422.941
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	287.467.546	241.602.277

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế môn bài	0	
Thuế nhà thầu	0	
Các khoản phải nộp khác	0	
Cộng	739.388.443	373.531.810

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng. Các hoạt động khác chịu thuế giá trị gia tăng với mức thuế suất thuế là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Quý này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.779.978.361
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(177.704.719)
- Các khoản điều chỉnh tăng	276.038.481
Chi phí không được loại trừ khi tính thuế	
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Chênh lệch tạm thời phải tính thuế)	276.038.481
- Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	(453.743.200)
Thu nhập chịu thuế	8.602.273.642
Số lỗ chuyển kỳ này	(8.602.273.642)
Thu nhập tính thuế	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí lãi phải trả	58.666.666	10.427.624.995
Hoa hồng môi giới	672.918.658	298.583.375
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	281.863.912	162.559.246
Phí giao dịch phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	276.124.118	211.618.579
Cộng	1.289.573.354	11.100.386.195

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Là các khoản tiền gửi của nhà đầu tư dùng để thanh toán giao dịch chứng khoán

18. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP tập đoàn đầu tư IPA	107,861,500	112.861.500
Cổ tức các công ty khác	796,200	75.320.000
Cộng	108,657,700	188.181.500

19. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán

Là các khoản nhà đầu tư nộp tiền thực hiện quyền mua chứng khoán phát hành thêm phải trả cho tổ chức phát hành chứng khoán

20. Phải trả, phải nộp khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	220.230.535	100.709.040
BHXX, BHYT phải nộp	(55.882.489)	22.986.895
Tiền đặt cọc hợp đồng môi giới mua trái phiếu	33.000.000.000	106.510.554.658
Phải trả nhà ủy thác đầu tư tiền bán chứng khoán	200.309.854	135.952.139
Các khoản phải trả khác	413.188.870	2.214.430.832
Cộng	33.777.766.770	108.984.633.564

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1, phố Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. Doanh thu khác**

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
Lãi tiền gửi	22.386.415.347	21.198.267.708
Cổ tức	2.473.743.200	3.380.822.200
Thu lãi bảo lãnh tiền mua	4.708.660.058	21.742.069.901
Doanh thu khác	38.900	490.671.358
Cộng	29.568.857.505	46.811.831.167

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
Chi phí môi giới chứng khoán	5.420.823.843	3.962.419.093
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	1.311.066.202	51.463.425.355
Chi phí dự phòng	11.319.071.954	
Chi phí sử dụng vốn	(742.548.989)	67.713.803.178
Chi phí trực tiếp kinh doanh khác		-
Cộng	17.308.413.010	123.139.647.626

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
Chi phí nhân viên	8.495.262.946	7.747.652.951
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.402.987.010	2.166.274.564
Thuế, phí, lệ phí	906.987	5.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.193.996.883	7.386.728.548
Cộng	17.093.153.826	17.300.661.563

4. Thu nhập khác

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
Các khoản thu nhập khác	174.913.303	78.688
	174.913.303	78.688

5. Chi phí khác

	Quý IV năm 2012	Quý IV năm 2011
Các khoản chi phí khác	66.596.256	19.669.927
Cộng	66.596.256	19.669.927

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyễn Hoàng Giang